



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ

BẢN TIN THAN NGÀY

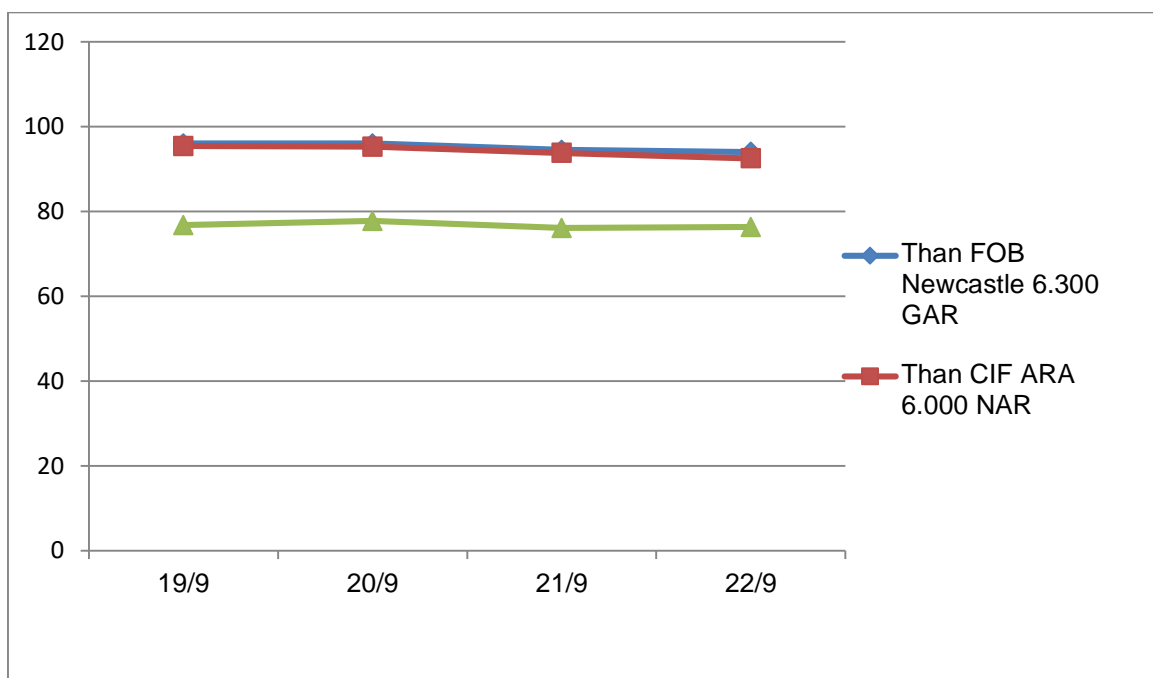
Ngày 25/09/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	94,00	-0,50	95,00	-0,50
CIF ARA 6.000 NAR	92,50	-1,30	92,80	+0,55
FOB Richards Bay 5.500 NAR	76,30	+0,20	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	81,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	66,75	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	55,50	+0,50	426,42	+3,75
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	75,50	+0,50	580,07	+3,70
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	88,00	-0,25	676,12	-2,07

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 22/09/2017)

DIỂM TIN

Khách hàng Trung Quốc ráo riết tìm mua than trong nước

Giá than 5.500 NAR, FOB Qinhuangdao tại thị trường phía Bắc Trung Quốc đã vượt qua mức 700 NDT/tấn trong tuần trước, đồng thời đẩy giá than tại miền Nam Trung Quốc tăng cao. Giá chào bán cho loại than này tại cảng Qinhuangdao ở mức 720 NDT/tấn FOB, trong khi than 5.000 NAR được chào bán với giá 600 NDT/tấn. Có nhiều yếu tố tác động lên giá than và đẩy nhu cầu thực tế lên cao. Giá than 5.500 NAR CFR Nam Trung Quốc đã tăng giá lên mức 88 USD/tấn, trong khi với điều kiện FOB Newcastle, giá than nhiệt trị tương đương độ tro cao giao trong tháng Mười ở mức 77 USD/tấn. Các công ty vận tải cho biết giá cước tàu Capesize đi từ Newcastle đến Nam Trung Quốc ở mức 11,50 - 12 USD/tấn thứ Tư tuần trước, một NMNĐ của Hàn Quốc đã thuê một con tàu 130.000 tấn từ Newcastle đến Dangjin vào đầu tháng Mười với giá cước 11,45 USD/tấn. Một công ty thương mại Singapore cho biết giá than Newcastle tăng đã khiến người bán tin rằng xu hướng này sẽ tiếp diễn và họ đang giữ hàng để chờ giá lên cao hơn nữa. Ngoài ra than Indonesia 3.800 NAR giao trong tháng Mười đã nhận được thư mời dự thầu từ khách hàng Trung Quốc với mức giá 46 USD/tấn FOB, nhưng khách hàng Ấn Độ sẵn sàng trả mức giá cao hơn 46,50 USD/tấn.

Lượng than dự trữ tại các nhà máy nhiệt điện Trung Quốc giảm nhẹ so với tuần trước

Tổng lượng than dự trữ tại kho của sáu NMNĐ Trung Quốc ở phía Nam và phía Đông đã đạt 10,13 triệu tấn vào ngày 21/9 vừa qua, giảm 4,4 % so với mức 10,60 triệu tấn hôm 14/9. Sáu NMNĐ bao gồm: Zhejiang Power, Shanghai Power, Guodian, Datang, Huaneng và Guangdong Power (Yudean). Căn cứ vào mức tiêu thụ than hiện nay, lượng than đủ dùng trong 14,13 ngày cho cả sáu NMNĐ này, giảm 0,43 ngày so với tuần trước. Lượng than trung bình tiêu thụ tại sáu nhà máy ở mức 717.200 tấn/ngày - số liệu hôm 21/9, giảm 1,5% từ mức 727.900 tấn/ngày - số liệu hôm 14/9. Nhân viên vận hành ở đây cho biết tình hình thời tiết nắng nóng kết thúc ở phía Nam và phía Đông Trung Quốc đã khiến các NMNĐ ngừng thu mua thêm than, điều này đã dẫn đến sự sụt giảm lượng than lưu trữ trong kho của các nhà máy này.

Chấm dứt đình công tại các mỏ than của Exxaro

Hôm thứ Sáu tuần trước, Công đoàn của công nhân mỏ Nam Phi (NUM) cho biết công nhân ở hai mỏ than của Exxaro ở Nam Phi đã kết thúc các cuộc đình công kéo dài một tuần sau khi đạt được thỏa thuận về lương có thời hạn ba năm. Các công nhân mỏ Leeuwpan đã trở lại làm việc vào thứ Sáu, trong khi các công nhân tại Grootegeluk sẽ bắt đầu làm việc từ thứ Hai. Các bên đã đồng ý mức tăng lương 10%, 8,5% và 7,5% cho năm 2017 và 7,5% cho cả năm 2018 và 2019. Giám đốc phụ trách chiến lược và cổ đông của Exxaro, ông Mzila Mthenjane cho biết: "Chúng tôi rất vui mừng về việc các bên đã giải quyết tranh chấp nhanh chóng". Hai mỏ than của Exxaro cho sản lượng tổng cộng 30 triệu tấn/năm, phần lớn trong số đó được bán cho NMNĐ Matupa, công suất 3,99 GW và Medupi, công suất 4,8 GW của Eskom. Theo thông tin từ Exxaro, mỏ Grootegeluk có thể xuất khẩu khoảng 1 triệu tấn than cốc bán mềm và than nhiệt qua cảng Richards Bay Coal Terminal.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,90	+0,15
	Queensland	Nhật Bản	11,40	+0,15
	New South Wales	Hàn Quốc	11,75	+0,15
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,95	-0,10
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,00	-0,25
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,45	-0,10
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,75	-0,25
	Úc	Trung Quốc	12,70	-0,10

Úc

Ấn Độ

14,50

-0,15

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 22/09/2017)